



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

MÔN: PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

CÁC YẾU TỐ CÁ NHÂN TÁC ĐỘNG ĐỀN KẾT QUẢ
HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP TP.HCM

LỚP HP: DHQT16HTT

NHÓM THỰC HIỆN: NHÓM 5

GVHD: TS. VÕ TRUNG ÂU

THÀNH VIÊN NHÓM

Nguyễn Thanh Phong 19503601

Nguyễn Xuân Thành 18088021

Lê Hải Nguyệt 20012171

Đàm Tuyết Trân 20043341

Tăng Thị Diễm 20015091

Nguyễn Thị Vân Anh 20012441

Hoàng Thị Quỳnh Ngân 20011021

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Với thực trạng KQHT hiện nay của sinh viên chỉ ở mức trung bình, trong đó, sinh viên tự đánh giá thấp nhất việc ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn. Vì vậy, việc nghiên cứu các yếu tố cá nhân tác động đến KQHT của sinh viên sẽ giúp nhà trường phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực, góp phần nâng cao KQHT của sinh viên và từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.



CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN



- Nghiên cứu các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên Trường DHCN TP.HCM.
- Các yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên được chia thành nhóm: nhóm nhân khẩu (1); nhóm đặc trưng tâm lý (2); KQHT trước đây (3); yếu tố tổ chức của nhà trường (4).

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Học là quá trình đạt được sự hiểu biết, kiến thức, hành vi, kỹ năng, giá trị, thái độ và sở thích mới.

KQHT là kiến thức, kĩ năng mà sinh viên thu thập được trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Kết quả
học tập

Động
cơ học
tập

Kiên
định
trong
học tập

Cạnh
trang
trong
học tập

Tác
động
của nhà
trường

Phương
pháp
học tập

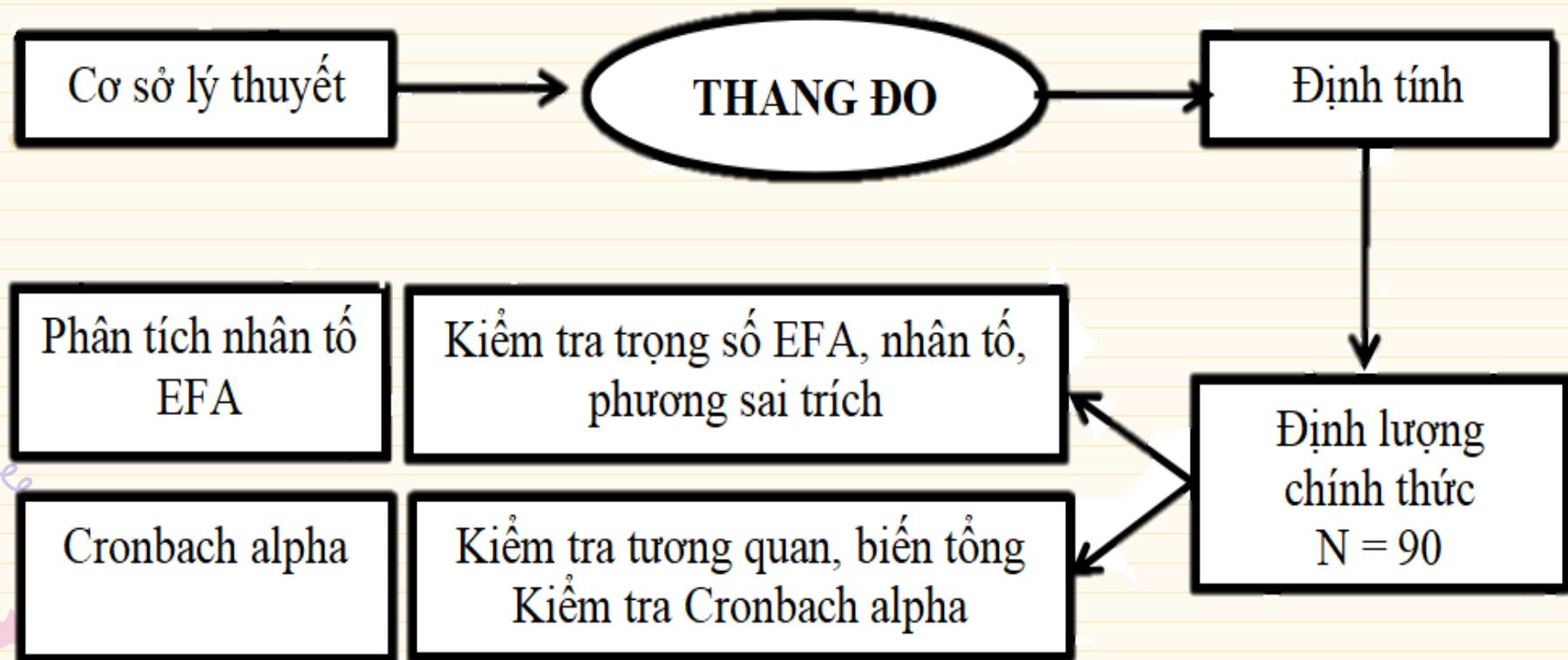
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập thông tin định lượng. Với bảng khảo sát gồm 26 câu hỏi, trong đó có 12 câu có ô trống nên bị loại. Vì vậy kích thước cỡ mẫu tối thiểu là: $N = 8 * \text{var} + 50$

$$= 8 * 5 + 50 = 90$$



Qui trình nghiên cứu



Thang đo động cơ học tập của SV

DC1.	Theo bạn nghĩ việc học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV
DC2.	Biểu hiện của việc SV thiếu ý chí trong học tập là: thường xuyên nghỉ học, học trễ tiến độ,...
DC3.	Ý chí học tập có thể bị mất đi trong quá trình học tập của SV
DC4.	Kết quả học tập của SV có ảnh hưởng đến mục đích, ý chí học tập của SV

Thang đo kiên định học tập của SV

KD1.	Bạn có thường hay bỏ ngang khi chưa làm xong bài tập hay không?
KD2.	Bạn có quyết tâm trong học tập hay không?
KD3.	Bạn có kế hoạch cụ thể trong học tập để đạt được kết quả tốt hay chưa?
KD4.	Bạn có bao giờ nghĩ đến bỏ việc học khi chưa hoàn thành mục tiêu hay không?

Thang đo cạnh tranh học tập của SV

CT1.	Bạn muốn đạt thành tích cao trong học tập?
CT2.	Bạn thất vọng nếu không đạt KQHT cao như mong muốn?
CT3.	Thành tích học tập cao giúp bạn tự tin hơn
CT4.	Cạnh tranh trong học tập giúp bạn phát triển tốt bản thân về tư duy và bản lĩnh
CT5.	Muốn có thành tích tốt thì phải có sự cạnh tranh

Thang đo phương pháp học tập của SV

PP1.	Bạn có lập thời khóa biểu cho việc học tập không?
PP2.	Theo bạn việc chuẩn bị bài trước khi bắt đầu môn học có quan trọng hay không?
PP3.	Việc tìm hiểu bài trước khi bắt đầu diễn ra môn học được diễn ra như thế nào?
PP4.	Bạn có ghi chép bài đầy đủ khi đến lớp hay không?
PP5.	Bạn có tập trung trong quá trình học hay không?

Thang đo tác động nhà trường

TD1.	Theo bạn thì môi trường học tập hiện tại mà nhà trường mang lại cho bạn có tác động như thế nào đến KQHT của bạn?
TD2.	Nhà trường có tạo điều kiện để SV phát triển bản thân không?

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Đặc điểm khảo sát

Đặc điểm của mẫu (cỡ mẫu n=)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
Năm học	Năm nhất	10	9.8%
	Năm hai	30	29.4%
	Năm ba	32	31.4%
	Năm tư	30	29.4%
Nghành học	Kinh tế	59	56.4%
	Kỹ thuật	33	33.1%
	Khác	10	10.5%

Bảng 4.1. Đặc điểm
mẫu nghiên cứu

2. Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha

STT	Thang đo	Mã hóa	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
1	Động cơ học tập	ĐCHT	4	0.820
2	Kiên định học tập	KĐHT	4	0.810
3	Cạnh tranh học tập	CTHT	5	0.851
4	Tác động nhà trường	TĐNT	2	0.671
5	Phương pháp học tập	PPHT	5	0.851

Bảng 4.2. Phân tích kết quả Cronbach's Alpha

3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Yếu tố cần đánh giá	Giá trị chạy bảng	So sánh
Hệ số KMO	0.681	$0.5 \leq 0.681 \leq 1$
Giá trị Sig trong kiểm định Bartlett's	0.000	$0.000 \leq 0.05$
Eigenvalues	1.135	$1.135 > 1$
Tổng phương sai trích	67.883	67.883%

Bảng 4.3. Kết quả phân tích EFA

	Component		
	1	2	3
PPHT5	.848		
PPHT6	.810		
PPHT4	.800		
PPHT1	.789		
PPHT2	.749		
ĐCHT1		.874	
CTHT1		.841	
KĐHT5		.718	
ĐCHT4		.643	
CTHT2		.617	
CTHT3			.914
CTHT4	★		.839

Bảng 4.4.
Ma trận xoay
các nhân tố

4. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0.773 ^a	0.598	0.577	0.733	1.379

Bảng 4.5. Mức độ giải thích của mô hình tổng thể

5. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

ANOVA ^a					
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Regression	44.763	3	14.921	27.773	.000 ^b
Residual	30.087	56	.537		
Total	74.850	59			

Bảng 4.6. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

6. Kết quả hồi quy

Mô hình	Unstandardized Coefficients			Standardized Coefficients			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta	T	Sig.	Tolerance		
Hàng số	-.301	.724		-.416	.001			
F_PPHT	.017	.152	.009	.109	.000	.988	1.013	
F_DCHT	.953	.127	.736	7.481	.000	.741	1.349	
F_CHTT	.075	.110	.067	.680	.001	.738	1.355	

Bảng 4.7. *Kiểm tra hiện tượng đa công tuyến*

➤ Mỗi quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập
được thể hiện ở phương trình hồi quy đa biến sau:

$$\text{KQHT} = \beta_1 \times \text{PPHT} + \beta_2 \times \text{ĐCHT} + \beta_3 \times \text{CTHT}$$

➤ Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$\text{KQHT} = 0.009 \times \text{PPHT} + 0.736 \times \text{ĐCHT} + 0.110 \times \text{CTHT}$$

➤ Phương trình hồi quy đa biến:

$$\text{KQHT} = 0.009 \times \text{PPHT} + 0.736 \times \text{ĐCHT} + 0.110 \times \text{CTHT}$$



CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ



➤ Kết quả các đo lường trong đề tài này, về mặt nghiên cứu, góp phần làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này điều chỉnh, bổ sung và sử dụng.

➤ Về mặt thực tiễn, các thuộc tính của sinh viên như: động cơ học tập, cạnh tranh học tập, Phương pháp học tập, đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình và KQHT của sinh viên.

➤ Đối với giảng viên:

Hướng dẫn cho SV tạo dựng PPHT hiệu quả, kích thích tính KĐHT và định hướng ĐCHT cho SV. Tạo môi trường có tính cạnh tranh cho sinh viên có thể phát huy, thể hiện bản thân.



➤ Đối với sinh viên:

Cần tạo thói quen, PPHT phù hợp cho bản thân. Tạo sự cạnh tranh ganh đua trong học tập và giữa các nhóm học tập. Xác định được động cơ, mục đích học của bản thân định hướng cho bản thân. Luôn tạo sự hứng thú, tìm hiểu các kiến thức mới.

**THANKS FOR
WATCHING!**